TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST Ngày: 12 - 5 - 2021 V/v tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị L, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh K. Địa chỉ tạm trú: ấp Tân H, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh H, sinh năm 1985. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh K (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày: Vào năm 2010, chị và anh Phan Thanh H tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận cho tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 22/01/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh K. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống tại Tổ 8, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh K. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc và sinh được hai người con là cháu Phan Trọng Hoàn, sinh ngày 16/11/2009 và cháu Phan Trọng Nghĩa, sinh ngày 15/3/2012. Tuy nhiên, từ đầu năm 2018, giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình, nhiều lần còn vô cớ đánh vợ con, chị đã nhiều lần khuyên can nH anh không sửa đổi. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Chị đồng ý

giao hai con cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị cho rằng trong thời kỳ hôn nhân anh chị không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2021, bị đơn anh Phan Thanh H trình bày: Anh chấp nhận ly hôn, nhận nuôi hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H nH anh H không có mặt tại Tòa và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 22/01/2010, dó đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh H hạnh phúc, nH từ đầu năm 2018, tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, giữa anh chị không có tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu ly hôn, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho chị L ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Xét thấy anh H có nguyện vọng muốn nuôi con được chị L chấp thuận, đồng thời cháu Hoàn và cháu Nghĩa có nguyện vọng muốn ở với cha, xét nên giao hai con Phan Trọng Hoàn, sinh ngày 16/11/2009 và Phan Trọng Nghĩa, sinh ngày 15/3/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị L yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 1 và khoản 2, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị L ly hôn với anh Phan Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con là cháu Phan Trọng Hoàn, sinh ngày 16/11/2009 và cháu Phan Trọng Nghĩa, sinh ngày 15/3/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002694 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phanh Thanh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai